

Số: 2198/QĐ-UBND

Hung Yên, ngày 29 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá dịch vụ xe ô tô ra, vào Bến xe ô tô và giá dịch vụ bán vé tại Bến cho khách đi ô tô trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ công văn số 3948/BGTVT-PC ngày 15/6/2009 của Bộ Giao thông Vận tải về việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh ngày 27/10/2009;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại tờ trình số 981/TTr-SGTVT ngày 16/10/2009; đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 314/TT-STC ngày 21/10/2009 về việc phê duyệt giá dịch vụ xe ô tô ra, vào Bến xe ô tô và giá dịch vụ bán vé tại Bến cho khách đi ô tô,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá dịch vụ xe ô tô ra, vào Bến xe ô tô và giá dịch vụ bán vé tại Bến cho khách đi ô tô trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Giá dịch vụ xe ô tô ra, vào Bến xe ô tô (tính cho 1 lần xe ra, vào Bến và theo số ghế khi đăng ký xe).

TT	Dịch vụ	Bến xe ô tô		
		Loại 2 (đồng/ghế)	Loại 4 (đồng/ghế)	Loại 5 (đồng/ghế)
1	Tuyến xe ô tô cố định:			
	- Tuyến có cự ly ≤ 100 km	900	800	500
	- Tuyến có cự ly từ 100-250 km	1.000	1.000	650
	- Tuyến có cự ly ≥ 250 km	1.500	1.400	1.200
2	Tuyến xe ô tô buýt:			
	- Tuyến có cự ly ≤ 50 km	200	200	200
	- Tuyến có cự ly ≥ 50 km	250	250	250

2. Giá dịch vụ bán vé tại bến cho khách đi ô tô (thu theo tỷ lệ % số ghế thực tế bán được và theo số chuyến xe thực tế xuất bến).

TT	Dịch vụ	Bến xe ô tô		
		Loại 2 (% doanh số)	Loại 4 (% doanh số)	Loại 5 (% doanh số)
	- Số vé bán được < 60% số ghế	3,0	2,5	2,5
	- Số vé bán được ≥ 60% số ghế	3,5	3,0	3,0

Điều 2. Sở Tài chính căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước và điều 1 quyết định này hướng dẫn đơn vị tổ chức thu, nộp và sử dụng số tiền thu được.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2009, thay thế Quyết định số 1606/QĐ-UB ngày 20/6/2003 của UBND tỉnh; Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Giao thông Vận tải, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông Vận tải;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, KTIH^T.
- 30b.Hieenf.



Nguyễn Thanh Quán